

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-10-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo
Bà Nguyễn Thị Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2018/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị X - Sinh năm 1984.

Bị đơn: Anh Phạm Đình K - Sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: xã Y, huyện Y, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị X, anh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Chị Hà Thị X trình bày:

Chị kết hôn với Anh Phạm Đình K năm 2005, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Q. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh K ngoại tình với người phụ nữ khác, bỏ đi cùng người đó từ năm 2010 đến năm 2014. Sau đó anh K quay trở về sống với chị và các con nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa thuận. Anh K vẫn giữ thói quen chơi bời, cờ bạc và vu khống chị ngoại tình với người khác. Có lần anh K đi uống rượu về nhà đánh đập chị. Chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Hà Duy K, sinh ngày 26/12/2008 và Phạm Hà Khánh V, sinh ngày 04/11/2010. Chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, bị đơn anh K trình bày về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với lời khai của chị X. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách sống và có sự hiểu nhầm về nhau. Chị X chưa hiểu tâm tư, tình cảm của anh nên nhất quyết xin ly hôn tại Tòa án. Anh cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị X, vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn nên anh mong muốn vợ chồng được đoàn tụ và anh mong muốn các con không phải chịu tổn thương khi bố mẹ ly hôn, anh K không đồng ý ly hôn chị X.

Về con chung: Anh xác nhận anh chị có 02 con chung như chị X đã trình bày và đề nghị chị X nuôi cả hai con chung, anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị X 1.500.000 đồng/tháng cho mỗi con chung.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chị X, anh K không thống nhất được các vấn đề liên quan nên Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Chị X có đơn xin vắng mặt, anh K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Hà Thị X và Anh Phạm Đình K đều có địa chỉ thường trú tại xã Y, huyện Y, tỉnh N. Yêu cầu khởi kiện của chị X thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ý Yên là phù hợp quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị X và anh K được xác lập vào năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Q là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh chị không còn niềm

tin, nghi ngờ lòng chung thủy của nhau và đã có thời gian vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2010 đến năm 2014. Mặc dù, sau đó anh chị quay về đoàn tụ với nhau nhưng cuộc sống vẫn không hạnh phúc. Mặc dù anh K không muốn ly hôn nhưng bản thân anh cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm với chị X. Trong khi chị X xác định không còn tình cảm với anh K, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng được nữa nên kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy quan hệ hôn nhân của anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X xử cho chị X, anh K ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị X và anh K có hai con chung là Phạm Hà Duy K, sinh ngày 26/12/2008 và Phạm Hà Khánh V, sinh ngày 04/11/2010. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị X nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, đề nghị anh K cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật; Anh K cũng đồng ý để chị X nuôi cả hai con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị X mỗi tháng 1.500.000 đồng đối với mỗi con chung. Do vậy, nên chấp nhận sự thống nhất của anh chị, giao cả hai con chung cho chị X nuôi dưỡng, anh K cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị X mỗi tháng 1.500.000 đồng đối với mỗi con chung cho đến khi các con chung trưởng thành là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Chị X, anh K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Hà Thị X, Anh Phạm Đình K phải chịu án phí theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa Chị Hà Thị X và anh Phạm Đình K.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Hà Duy K, sinh ngày 26/12/2008 và Phạm Hà Khánh V, sinh ngày 04/11/2010 cho chị X nuôi dưỡng. Anh K cấp dưỡng

nuôi con chung cùng chị X mỗi tháng 1.500.000 đồng đối với mỗi con chung cho đến khi các con chung trưởng thành và tự lập được.

Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị X, anh K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

4. Về án phí:

Án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Hà Thị X phải nộp là 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị X đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000900, ngày 21/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị Hà Thị X đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Đình K phải nộp 300.000 đồng.

Chị X, anh K được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu: HS, VP.

(Đã ký)

Bùi Thị Ngọc Bích